

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát :

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
Tên viết tắt:	SEAMECO
Tên Tiếng Anh:	Seaproducts Mechanical Shareholding Company
Giấy chứng nhận ĐKKD số:	4103006087 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 17 tháng 11 năm 2008.
Vốn điều lệ:	42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng)
Logo:	



Địa chỉ:	244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM
Số điện thoại:	(84-08) 3 8 729 751
Số fax:	(84-08) 3 8 729 749
Website:	http://www.seameco.com.vn
Email:	seameco@seameco.com.vn
Mã cổ phiếu:	SCO

2. Quá trình hình thành và phát triển :

- 1984: Thành lập Chi nhánh cơ khí Thủy sản III.
- 1987: Ngày 05/11/1987, chính thức thành lập Công ty Cơ khí Thủy sản III.
- 1990: Ứng dụng công nghệ đóng tàu bằng vật liệu composite vào sản xuất.
- 1992: Khởi công xây dựng khu vực sản xuất tại Q7 – Tp.HCM.
- 1993: Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Công ty Cơ khí Thủy sản III.
- 1997: Đưa cầu cảng C1 vào hoạt động.
- 2000: Đổi tên thành Công ty Cơ khí Thủy sản, trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.
- 2001: Nghiên cứu và chế tạo thành công khuôn thép tháo rời cho đóng tàu composite.
- 2002: Đổi tên thành Công ty Công nghiệp Thủy sản.
- 2003: Hạ thủy tàu đánh bắt xa bờ dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại VN.
- 2005: Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2000.
- 2006: Hạ thủy tàu y tế dài 30m, con tàu dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam; đưa cầu cảng C2 vào hoạt động.
- 2007: Công ty chuyển thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.
- 2008: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 22 tỷ tăng lên 33 tỷ đồng.
- 2009: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 33 tỷ tăng lên 42 tỷ đồng.
- 2010: Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2008.
- 2011: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 30 Hàm Nghi, P. Bến Nghé, Q.1 sang 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1 thành phố Hồ Chí Minh.
- 2014: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1 thành phố Hồ Chí Minh sang 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, thành phố Hồ Chí Minh.

3.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

-Ngành nghề kinh doanh:

- Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản, đóng mới, sửa chữa, thiết kế tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm composite.
- Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm.
- Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, thủy sản, hàng may mặc;
- Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí.
- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể thao, hàng nông sản;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa và cho thuê kho bãi
- Kinh doanh kho hàng, bến bãi.
- Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Lắp ráp, sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất, bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)

-Các sản phẩm chính:

- ❖ Sà lan, tàu tuần tra, tàu đánh bắt xa bờ, xuồng máy, tàu hút bùn...
- ❖ Máy phát điện, máy đa năng, sản phẩm composite,...
- ❖ Cung cấp các dịch vụ kho bãi, cầu cảng, lên xuống tàu, sà lan...

-Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở chính:

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: 08.38729751 - 08.38752422

Fax: 08.38729749

- Khu vực sản xuất

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Q7, TP.Hồ Chí Minh.

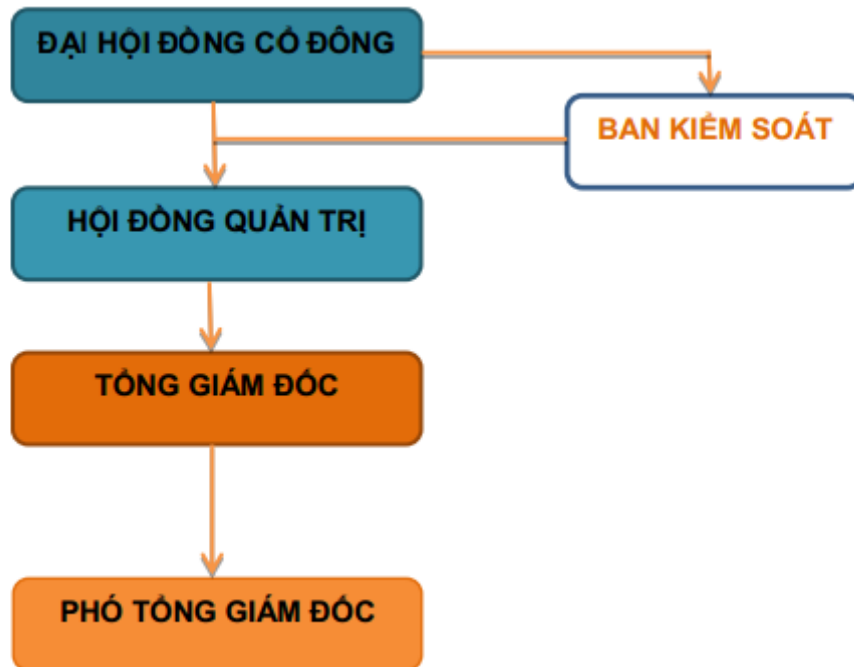
Tel: 08.38729512 – 38729751

Fax: 08.38729749

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

- Mô hình quản trị.

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 03 thành viên. Hội đồng quản trị công ty gồm 05 người, trong đó có 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc. Ban giám đốc công ty: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc.



- Cơ cấu bộ máy quản lý.



-Các đơn vị thành viên:

Xưởng đóng tàu Seameco: đóng mới và sửa chữa các loại tàu du lịch, tàu kiểm ngư, tàu đánh cá, tàu chở hàng, cano, phà, các phương tiện nổi bằng vật liệu composite, thép.

Cảng Biển Đông: cung ứng các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, dịch vụ kho bãi, cung cấp dầu, điện nước phục vụ cho tàu cập cảng.

-Các Công ty con, Công ty liên kết : Không có

5.Định hướng phát triển

-Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tâm nhìn:

Đến năm 2020, SEAMECO sẽ phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp mạnh, có trình độ công nghệ khá, trang thiết bị sản xuất hiện đại.

Chiến lược:

Thông qua việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu, Công ty sẽ hoạt động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm tạo lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông; tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và Xã hội.

Sứ mệnh:

- Duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống tài chính nhân sự.
- Nâng cao năng lực sản xuất bao gồm vấn đề cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.
- Phát triển theo tiêu chí tăng trưởng bền vững, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính.
- Tìm kiếm đối tác, mở rộng thị phần Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Tập trung hoạt động vào các lĩnh vực thuộc thế mạnh của công ty như đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ kho bãi, xếp dỡ hàng hóa qua cảng.
- Tiếp tục bán, thanh lý tài sản không cần thiết để trả nợ.
- Làm việc với Ngân hàng để tái cơ cấu lại nợ.

-Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

- Hoạt động của công ty phải phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường, đảm bảo CB-CNV làm việc trong môi trường tốt nhất.
- Tạo công việc làm ổn định, đảm bảo lương tối thiểu cho CB-CNV, thực hiện đầy đủ các chế độ lao động cho người lao động.

6. Các rủi ro:

-Rủi ro lãi suất:

Công ty hiện đang có tỷ trọng nợ cao so với vốn chủ sở hữu. Do đó biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí hoạt động của công ty, làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận.

-Rủi ro đặc thù:

Ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao. Quy trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục đăng kiểm và các qui định hiện hành trong ngành cơ khí tàu thuyền. Do vậy, bất cứ công đoạn sản xuất nào không tuân thủ các qui định này đều gây ra những thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng, uy tín trong các sản phẩm, dịch vụ mà Seameco cung cấp tới khách hàng thì các công đoạn sản xuất kinh doanh chính của Seameco (từ thiết kế, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, lắp ráp máy phát điện, máy bơm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đến cung cấp dịch vụ cảng) đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định trong hệ thống quản lý chất lượng.

-Rủi ro tín dụng:

Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ công ty cổ phần Aquafeed Cửu Long, công ty cổ phần Biển Tây,... Nếu các đối tác gặp khó khăn về tài chính hoạt mất khả năng thực hiện nghĩa vụ của thanh toán của mình, Công ty sẽ gặp rủi ro tổn thất tài chính. Hiện nay, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu tất cả các khoản công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các khoản nợ trên.

-Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, linh kiện, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013 (1)	Kế hoạch 2014 (2)	Thực hiện 2014 (3)	% Tỷ lệ TH/KH 2014	So với năm 2013
Tổng doanh thu	26.528	28.640	30.059	105%	+13,31 %
Doanh thu bán hàng	4.450	1.800	1.711	95%	-61,55%
Doanh thu đóng sửa tàu thuyền	10.851	15.800	17.387	110%	+60,23%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.216	12,340	10.961	89%	-2,27%
Doanh thu khác	10,2				-100%
Doanh thu thuần	26.525		29.995		13,08%
Chi phí vật tư, giá vốn	19.078	25.120	23.382		22,56%
Chi phí bán hàng	3.599		2.636		-26,76%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.324)		1.786		234,89 %
Lãi trước thuế	(6.904)		(9.979)		44,54%

Kết thúc năm 2014 hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách. Tổng doanh thu của công ty tăng 13,31% so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh năm 2014 của công ty chỉ tập trung vào các lĩnh vực chính là doanh thu từ dịch vụ cầu cảng và đóng sửa tàu thuyền. Năm 2014 dịch vụ cầu cảng nguồn doanh thu chưa đạt kế hoạch, do lượng hàng qua cảng giảm, lĩnh vực sửa đóng tàu thuyền doanh thu vượt kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự :

Danh sách Ban Tổng giám đốc

- Ông NGUYỄN BẢY - Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc

- Năm sinh: 18/08/1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,10%
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1983 – 1986: Nhân viên kỹ thuật Xí nghiệp đóng tàu và Quốc doanh đánh cá thuộc Sở Thủy sản Cửu Long tại Thị xã Trà Vinh, tỉnh Cửu Long.
 - + Năm 1986 – 1990: Nhân viên kỹ thuật Phòng Thiết kế - Công ty Cơ khí Thủy sản III.
 - + Năm 1990-1997: Nhân viên kinh doanh Trung tâm máy – Công ty Cơ khí Thủy Sản III
 - + Năm 1998 – 1999: Phó Phòng Kinh doanh Trung tâm máy - Công ty cơ khí Thủy sản III.
 - + Năm 2000: Phó Giám đốc Trung tâm máy Công ty Cơ khí Thủy Sản III.
 - + Năm 2001 – 2002: Phó Phòng Kế hoạch Công ty Cơ khí Thủy Sản III đổi tên thành Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.
 - + Năm 2003-2004: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.
 - + Năm 2004-5/2007: Phó Giám đốc Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.
 - + Năm 6/2007- 5/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Công Nghiệp Thủy Sản.
 - + Từ 6/2014- nay : Tổng Giám đốc Công ty Cp Công nghiệp Thủy sản.

- Ông TRƯƠNG TÙNG HƯNG - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 04/08/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.39%
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1997 – 1999: Nhân viên Phòng vỏ tàu Công ty TNHH tàu biển HyunDai – Vinashin.
 - + Năm 1999 – 2001: Nhân viên kinh doanh Trung tâm Máy Công ty Cơ khí Thủy Sản 3.
 - + Năm 2001 – 2004: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty Cơ khí Thủy Sản 3.
 - + Năm 2004 – 2006: Nhân viên kỹ thuật Xưởng cơ khí Công ty Công nghiệp Thủy Sản.
 - + Năm 2006 – 2007: Phó quản đốc Xưởng cơ khí – Công ty Công nghiệp Thủy Sản.
 - + Năm 2007 – 2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
 - + Năm 2008 – 2009: Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.
 - + Năm 2009 đến 05/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
 - + 05/2012 – 5/2014: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
 - + 06/2014 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Công nghiệp Thủy sản.

- Kế toán trưởng - Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa

- Năm sinh : 02/8/1969
- Trình độ chuyên môn : cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - + 1993-1994 : nhân viên Phòng Kế hoạch – Công ty Cơ khí thủy sản
 - + 1995-8/2007 : nhân viên Phòng Kế toán – Công ty công nghiệp thủy sản
 - + 9/2007-4/2009 : Phó Phòng Tài chính - Công ty Cp công nghiệp thủy sản
 - + 5/2009- đến nay : Trưởng Phòng Tài chính - Công ty Cp công nghiệp thủy sản
 - + Số cổ phần nắm giữ 53.250 tỷ lệ 1,31%

Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc :

STT	Ban điều hành	Năm sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Bảy	1959	Tổng giám đốc	5/2014
2	Ông Trương Tùng Hưng	1973	Phó tổng giám đốc	5/2014

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Chỉ tiêu

Số lượng

(người)

Theo phòng ban – bộ phận :

1. Ban Tổng Giám đốc	03
2. Phòng Tài chính	05
3. Phòng Tổ chức- Hành chánh	02
4. Phòng kế hoạch-kỹ thuật	09
5. Cảng Biển đông	10
6. Đội Bảo vệ	11
7. Công nhân trực tiếp sản xuất	31
Tổng cộng	72

Theo trình độ lao động :

1. Đại học	16
2. Trung cấp	41
3. Phổ thông	15
Tổng cộng	72

- Thu nhập bình quân năm 2014 là 5.500.000 đồng/người/tháng

Chính sách đối với người lao động :

- Công ty luôn đưa ra chính sách đãi ngộ phù hợp, với tình hình khó khăn hiện nay, công ty quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân .
- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với tất cả CBCNV làm việc trong công ty. Đối với người lao động chính thức sẽ được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Công ty thực hiện nghiêm các chế độ, qui định của luật lao động .

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

- Các khoản đầu tư lớn : Trong năm 2014 công ty không đầu tư vào dự án nào cả.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính

Chi tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	%TH 2014/2013
Tổng tài sản	43.649	48.404	10,89%
Doanh thu thuần	26.525	29.995	13,08%
Lợi nhuận từ HĐKD	(8.555)	(10.095)	18,00%
Lợi nhuận khác	1.651	116	-92,97%
Lợi nhuận trước thuế	(6.904)	(9.979)	-44,54%
Lợi nhuận sau thuế	(6.904)	(9.979)	-44,54%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(1.699)	(2.455)	-44,50%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2013
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,24	0,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,12	0,07
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	313,61%	314,02%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-146,82%	-146,73%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,62	2,92
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	0,65	0,58
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-33,27%	-26,03%
ROE	%	10,14%	7,67%
ROA	%	-21,68%	-15,20%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-33,66%	-32,25%

Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2014 còn diễn biến theo chiều hướng xấu do chịu ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh của các năm trước làm Công ty mất khả năng trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng, không đảm bảo khả năng thanh toán, cơ cấu tài sản và nguồn vốn bất hợp lý tạo ra nhiều khó khăn cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

a. Cổ phần :

- Tổng số cổ phần phát hành: 4.200.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.064.700 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 135.300 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ/ Tổng số CP
Cổ đông trong nước	148	4.064.700	100,00%
Cổ đông nước ngoài	0	0	
Tổng cộng	148	4.200.000	100,00%
Cổ đông lớn	4	2.812.679	69,20%
Cổ đông khác	144	1.252.021	30,80%
Tổng cộng	148	4.200.000	100,00%
Cổ đông tổ chức	5	2.337.195	57,50%
Trong đó: Cổ đông nhà nước	1	1.947.000	
Cổ đông cá nhân	143	1.727.505	42,50%
Tổng cộng	148	4.200.000	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	%TH 2014/2013
Doanh thu thuần	26.525	29.995	113,08%
Lợi nhuận từ HĐKD	(8.555)	(10.095)	-118,00%
Lợi nhuận khác	1.651	116	0,07%
Lợi nhuận trước thuế	(6.904)	(9.979)	-144,54%
Lợi nhuận sau thuế	(6.904)	(9.979)	-144,54%

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có chuyển biến tích cực, tổng doanh thu tăng 13% so với năm 2013, tăng 5% so với kế hoạch năm 2014, ngành nghề kinh doanh chính là cơ khí đóng sửa tàu tăng trưởng khá cao gần 62%, kinh doanh dịch vụ cầu cảng giảm nhẹ khoảng 2%. Kinh doanh nội địa giảm mạnh so với năm 2013 nhưng không ảnh hưởng tới hiệu quả và mục tiêu phát triển kinh doanh Công ty.

Hiệu quả kinh doanh tăng, tuy nhiên do phải gánh các khoản chi phí lãi vay tồn tại nhiều năm trước nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn lổ.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	%2014/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	15.543	22.807	46,74%
Tiền & các khoản tương đương tiền	1.425	5.327	273,82%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.689	5.960,35	-22,48%
Hàng tồn kho	6.379	11.455,37	79,58%
Tài sản ngắn hạn khác	49,82	64,28	29,02%
TÀI SẢN DÀI HẠN	28.106	25.597	-8,93%
Các khoản phải thu dài hạn	9	9	0
Tài sản cố định	22.493	20.068	-10,78%
Bất động sản đầu tư	-	-	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.889	4.889	0
Tài sản dài hạn khác	715	631	-11,75%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	43.649	48.404	10,89%

Tình hình tài sản năm 2014 của Công ty thay đổi không nhiều so với năm 2013 (tăng 10,89%), phân bổ cơ cấu nguồn vốn cho Tài sản ngắn hạn và dài hạn phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2014 chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền có sự thay đổi lớn, tăng so với năm 2013 khoảng 3.902 triệu đồng (tương ứng tăng 273,82%).

Số dư 5,96 tỷ đồng Các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12/2014 là kết quả của việc trích lập lũy kế khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi 118,53 tỷ đồng trên tổng số các khoản nợ phải thu 124,49 tỷ đồng, các khoản nợ xấu này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sử dụng tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh lổ 9,98 tỷ đồng trong năm 2014 của Công ty. Do chịu ảnh của khoản nợ xấu phát sinh từ các năm trước, Công ty đã mất khả năng chi trả các khoản nợ vay ngân hàng tương ứng và hàng năm phải gánh chịu một khoản lãi vay lớn mà không có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể lãi vay phát sinh trong năm 2014 là 12,48 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	%TH2014/2013
NỢ PHẢI TRẢ	137.064	151.799	10,75%
Nợ ngắn hạn	125.767	151.799	20,70%
Vay và nợ ngắn hạn	85.702	24.069	-71,92%
Phải trả cho người bán	4.267	3.851	-9,75%
Người mua trả tiền trước	570	9.976	1.650,18%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	295	13	-95,59%
Chi phí phải trả	30	32	6,67%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	34.419	56.020	62,76%

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	483	409	-15,32%
Nợ dài hạn	11.297	57.429	408,36%
Phải trả dài hạn khác	-		%
Vay và nợ dài hạn	11.297	57.429	408,36%
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-		%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	(93.415)	(103.395)	10,68%
TỔNG NGUỒN VỐN	43.649	48.404	10,89%

Như đã nhận xét tại phần tình hình tài sản, các khoản nợ xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình nguồn vốn của Công ty như sau: mất khả năng chi trả các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác; Vốn chủ sở hữu bị âm 103,395 tỷ đồng; làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Ảnh hưởng của tỷ giá đến hoạt động của Công ty: Năm 2014 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ liên quan đến tiền đồng Việt Nam nên Kết quả kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng của tỷ giá.

Ảnh hưởng của lãi suất đến hoạt động của Công ty: Kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty bị lỗ là do phải gánh chịu khoản chi phí lãi phát sinh lớn 12,48 tỷ đồng mà không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2015, công ty tiếp tục xem xét sắp xếp lại nhân sự cho phù hợp với tình hình sản xuất, bán tài sản không còn sử dụng để trả nợ Ngân hàng.

4.Kế hoạch kinh doanh năm 2015

Tổng doanh thu: 37,65 tỷ đồng.

Trong đó:

- Doanh thu từ sản xuất công nghiệp cơ khí đóng tàu : 23 tỷ đồng.
- Doanh thu từ kinh doanh cầu cảng, kho bãi : 12,50 tỷ đồng.
- Doanh thu khác : 2,15 tỷ đồng.

Tổng chi phí: 32,86 tỷ đồng.

Trong đó:

- Chi phí trực tiếp : 24,50 tỷ đồng.
- Chi phí quản lý, chi phí khác : 8,36 tỷ đồng.
- Chi phí tài chính: Xác định sau khi cơ cấu lại nợ.

Lợi nhuận gộp: 4,79 tỷ đồng. (không tính chi phí lãi vay)

5.Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán :

Đối với các khoản phải trả người bán:

- Công ty đã gửi đối chiếu công nợ nhưng đơn vị chưa xác nhận.
- Đối với Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Biển Tây, Công ty đã gửi công văn yêu cầu Công ty cổ phần Biển Tây cung cấp Báo cáo tài chính nhưng đến nay Công ty vẫn chưa nhận được.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Cơ cấu tổ chức trong Công ty cơ bản ổn định, tổ chức các phòng nghiệp vụ và đơn vị sản xuất hợp lý. Tổ chức sản xuất kinh doanh có nhiều tiến bộ, đảm bảo năng suất và hiệu quả. Một số cán bộ quản lý Công ty trình độ nghiệp vụ còn hạn chế, hiệu quả tham mưu giúp việc chưa cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, chủ động trong công tác điều hành doanh nghiệp, quản lý tài chính chặt chẽ, đúng chế độ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhất là tái cơ cấu tài chính và tổ chức Công ty.

Tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo chiều sâu;

Thực hiện đầu tư phát triển nâng cao nguồn nhân lực.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ, số cổ phần nắm giữ
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Chủ tịch HĐQT Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 1,29%
Ông Nguyễn Bày	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tỷ lệ cổ phiếu có quyền nắm giữ : 0,09%
Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,39%
Ông Phan Ngọc Chúc	Thành viên HĐQT không điều hành Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0%
Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT không điều hành Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0%

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị**Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	25/NQ-HĐQT-CNTS	18/3/2014	Kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN năm 2013
2	38/QĐ-HĐQT-CNTS	18/3/2014	Quyết định thành lập Phòng Kế hoạch Kỹ thuật
3	39/ QĐ-HĐQT-CNTS	31/3/2014	Quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm Trưởng Phòng KH-KT
4	40/ QĐ-HĐQT-CNTS	31/3/2014	Quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm Phó Trưởng Phòng KH-KT
5	41/ QĐ-HĐQT-CNTS	31/3/2014	Quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm Phó Trưởng Phòng KH-KT
6	42/ QĐ-HĐQT-CNTS	31/3/2014	Quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm Phó Trưởng Phòng KH-KT
7	59/NQ-HĐQT-CNTS	24/4/2014	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
8	69/NQ-HĐQT-CNTS	12/5/2014	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Tổng GD, Phó Tổng GD
9	70/QĐ-HĐQT-CNTS	12/5/2014	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc
10	71/QĐ-HĐQT-CNTS	12/5/2014	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc
11	72/QĐ-HĐQT-CNTS	12/5/2014	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc
12	73/QĐ-HĐQT-CNTS	12/5/2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
13	79/QĐ-HĐQT-CNTS	12/5/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật của công ty
14	126/NQ-HĐQT-CNTS	11/7/2014	Chấp thuận phương án tái cơ cấu công nợ của Công ty với NH NNo&PTNT
15	148/NQ-HĐQT-CNTS	13/8/2014	Chấp thuận phương án tái cơ cấu công nợ của Công ty với NH TMCP Công thương Việt Nam – CNI TP.HCM
16	165/QĐ-HĐQT-CNTS	20/9/2014	Ban hành Quy chế Quản lý Tài chính của HĐQT Cty CP CNTS
17	172/QĐ-HĐQT-CNTS	17/10/2014	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh
18	198/NQ-HĐQT-CNTS	03/12/2014	Bán thanh lý nhà Cà Mau
19	200/QĐ-HĐQT-CNTS	04/12/2014	Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản

Tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2014

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham gia
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Chủ tịch	7/11	63.63%	4 kỳ đầu chưa tham gia HĐQT
Ông Nguyễn Báu	TV HĐQT - Tổng GĐ	11/11	100%	
Ông Trương Tùng Hưng	TV HĐQT - Phó Tổng GĐ	11/11	100%	
Ông Phan Ngọc Chúc	TV HĐQT	11/11	100%	
Ông Đỗ Trung Chuyên	TV HĐQT	11/11	100%	
Ông Nguyễn Văn Tân		4/11	36.37%	7 kỳ sau đã từ nhiệm

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ
Bà Tống Thị Ngọc Oanh	Trưởng Ban kiểm soát	0,59%
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên BKS	0,00%
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên BKS	0,72%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

* Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2014

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014, các Nghị quyết của HĐQT;

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: công nợ, các hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng vay, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí

Tham dự các cuộc họp của HĐQT khi có thư mời và có những ý kiến trao đổi với HĐQT và Ban điều hành;

Tham gia các cuộc họp về xử lý tài sản và công nợ khi được mời với tư cách thay mặt cổ đông để giám sát hoạt động của Công ty và có các ý kiến tư vấn để đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

Thẩm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng, đưa ra kiến nghị đối với HĐQT và Ban điều hành.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

* **Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2014**

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp để thực hiện việc phân công và triển khai các công việc cụ thể cho từng thành viên trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; cụ thể các cuộc họp như sau:

- Ngày 27 và 28/02/2014, BKS tổ chức cuộc họp trực tiếp lần 01 năm 2014: Thực hiện kiểm tra, đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh cả năm 2013 và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013 để chuẩn bị cho việc lập Báo cáo của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2014.

- Ngày 24 và 25/04/2014, BKS tổ chức cuộc họp trực tiếp lần 02 năm 2014: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động kinh doanh quý I năm 2014;

- Ngày 26 và 27/8/2014, BKS tổ chức cuộc họp trực tiếp lần 03 năm 2014: Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014, lập Biên bản làm việc của BKS ngày 11/09/2014 gửi Công ty và Hội đồng quản trị;

- Ngày 16 và 17/10/2014, BKS tổ chức cuộc họp trực tiếp lần 04 năm 2014: Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014, lập Biên bản làm việc của BKS ngày 27/10/2014 gửi Công ty và Hội đồng quản trị;

Liên quan đến hoạt động năm 2014, BKS tổ chức cuộc họp và làm việc trực tiếp lần 01 năm 2015 vào các ngày 13 và 14/03/2015: Thực hiện kiểm tra, đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh cả năm 2014 và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014, lập Biên bản làm việc của Ban kiểm soát ngày 27/03/2014 để chuẩn bị cho việc lập Báo cáo của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2015.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tiền thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị:

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm
1	Nguyễn Văn Tân		5.000.000	20.000.000
2	Nguyễn Tấn Dũng	Chủ tịch	5.000.000	40.000.000
3	Phan Ngọc Chúc	Thành viên	3.000.000	36.000.000
4	Nguyễn Bày	Thành viên	3.000.000	36.000.000
5	Trương Tùng Hưng	Thành viên	3.000.000	36.000.000
6	Đỗ Trung Chuyên	Thành viên	3.000.000	36.000.000

- **Thù lao của Ban kiểm soát:**

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm
1	Tống Thị Ngọc Oanh	Trưởng BKS	3.000.000	36.000.000
2	Nguyễn Thành Trung	Thành Viên	2.000.000	24.000.000
3	Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành Viên	2.000.000	24.000.000

- Trong năm không phát sinh thêm chi phí nào khác phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát.

- **Lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc**

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Tổng cộng
1	Nguyễn Bày	Tổng Giám đốc	175.227.878	36.000.000	211.227.878
2	Trương Tùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	170.459.045	36.000.000	206.459.045

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty dựa trên cơ sở của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thông tư 121/2012/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tiền thân là Công ty Công Nghiệp Thủy Sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông (nay là Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam), được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần theo Quyết định số 532/QĐ-BTS ngày 30 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy Sản. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302166033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2008 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 VND lên 33.000.000.000 VND và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 04 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 33.000.000.000 VND lên 42.000.000.000 VND.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 06 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Bùi Thị Tuyết Mai thay cho ông Nguyễn Hữu Lộc và thay đổi địa chỉ công ty từ 30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh sang 211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012 chuẩn y việc thay đổi người đại theo pháp luật là Ông Trương Tùng Hưng thay cho bà Bùi Thị Tuyết Mai.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 07 năm 2014 chuẩn y việc thay đổi người đại theo pháp luật là Ông Nguyễn Bày thay ông Trương Tùng Hưng, và thay đổi trụ sở chính từ 211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh sang 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014 chuẩn y việc giải thể chi nhánh Cà Mau.

- **Vốn điều lệ : 42.000.000.000 VND**

- **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-08) 3 8 729 751
Fax : (84-08) 3 8 729 749
Mã số thuế : 0 3 0 2 1 6 6 0 3 3

- **Hoạt động chính của Công ty:**

- Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát hiện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân bổ vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Công nghiệp thực phẩm;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng. Kinh doanh vận tải thủy;
- Khai thác thủy sản biển, chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ, chi tiết: Dịch vụ cưa xẻ gỗ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, chi tiết: Chế biến gỗ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2007 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp tri động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Chủ tịch	24/04/2014	
Ông Nguyễn Bảy	Ủy viên		
Ông Trương Tùng Hưng	Ủy viên		
Ông Đỗ Trung Chuyên	Ủy viên		
Ông Phan Ngọc Chúc	Ủy viên	10/05/2013	

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Bà Tống Thị Ngọc Oanh	Trưởng ban	10/05/2013	
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	10/05/2013	
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	10/05/2013	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn Bảy	Tổng Giám đốc	12/05/2014	
Ông Trương Tùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	15/05/2014	12/05/2014
Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Kế toán trưởng	16/05/2012	

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 34).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN BẢY – Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 08 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận liên quan đến khoản Phải trả người bán (*Xem thuyết minh số V.12*). Đồng thời, do hạn chế từ phía Công ty, Chúng tôi vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ Phần Biển Tây làm cơ sở trích lập dự phòng (*Xem thuyết minh số V.9*). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hợp lý của các khoản trên. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc báo cáo này một số vấn đề sau:

Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 148.763.326.147 VND (*Xem thuyết minh số V.19*). Với nguồn vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 42.000.000.000 VND thì khoản lỗ trên đã vượt quá vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 103.394.629.884 VND. Cũng tại ngày này, khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 71.562.950.788 VND và tổng nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản 103.394.629.884 VND. Những yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động của Công ty trong tương lai. Công ty đang có phương án tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh nên báo cáo này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0455-2013-037-1



NGUYỄN THỊ THOM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.806.906.676	15.542.933.369
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.326.909.657	1.425.483.999
Tiền	111		5.326.909.657	1.425.483.999
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		5.960.346.401	7.688.729.797
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	102.463.366.986	106.813.136.399
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2.076.735.989	3.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	19.947.132.791	19.892.780.180
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.2	(118.526.889.365)	(119.020.186.782)
IV. Hàng tồn kho	140		11.455.365.865	6.378.902.573
Hàng tồn kho	141	V.5	11.455.365.865	6.378.902.573
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.284.753	49.817.000
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.752.253	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	53.532.500	49.817.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.597.320.904	28.105.660.616
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000	9.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		9.000.000	9.000.000
II. Tài sản cố định	220		20.067.959.045	22.492.535.339
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	16.017.042.393	18.425.368.683
- Nguyên giá	222		50.094.018.719	50.257.793.828
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.076.976.326)	(31.832.425.145)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.050.916.652	4.067.166.656
- Nguyên giá	228		4.110.500.000	4.110.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.583.348)	(43.333.344)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	4.889.250.613	4.889.250.613
1. Đầu tư dài hạn khác	258		12.801.833.320	12.801.833.320
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.912.582.707)	(7.912.582.707)
V. Tài sản dài hạn khác	260		631.111.246	714.874.664
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	631.111.246	714.874.664
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		48.404.227.580	43.648.593.985

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		151.798.857.464	137.063.871.478
I. Nợ ngắn hạn	310		94.369.857.464	125.766.871.478
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	24.069.543.044	85.702.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	3.851.212.748	4.267.041.242
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	9.975.531.642	570.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.14	13.578.299	294.906.236
5. Chi phí phải trả	316	V.15	31.818.182	30.439.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	56.019.586.472	34.419.102.423
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.17	408.587.077	483.382.577
II. Nợ dài hạn	330		57.429.000.000	11.297.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	V.18	57.429.000.000	11.297.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(103.394.629.884)	(93.415.277.493)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(103.394.629.884)	(93.415.277.493)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		559.410.000	559.410.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.353.000.000)	(1.353.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.036.572.261	2.036.572.261
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.125.714.002	2.125.714.002
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(148.763.326.147)	(138.783.973.756)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		48.404.227.580	43.648.593.985

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



NGUYỄN BÃY
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN DẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		30.059.488.897	26.527.690.639
2. Các khoản giảm trừ	03		64.727.273	2.376.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	29.994.761.624	26.525.314.275
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.382.157.321	19.078.400.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.612.604.303	7.446.913.953
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	190.270.896	11.473.379
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.476.223.811	13.738.314.831
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.476.223.811</i>	<i>13.688.314.831</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.636.230.259	3.598.644.683
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.785.339.345	(1.323.714.535)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.094.918.216)	(8.554.857.647)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	191.384.896	1.815.918.012
12. Chi phí khác	32	VI.8	75.819.071	165.202.967
13. Lợi nhuận khác	40		115.565.825	1.650.715.045
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(9.979.352.391)	(6.904.142.602)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>(9.979.352.391)</u>	<u>(6.904.142.602)</u>
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(2.455)</u>	<u>(1.699)</u>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



NGUYỄN BẦY
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.563.920.739	32.192.386.131
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(14.679.956.131)	(15.399.490.921)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.539.397.483)	(5.988.905.777)
- Tiền chi trả lãi vay	04		(30.651.111)	(116.618.890)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(689.325.689)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.187.747.872	1.645.726.523
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.761.436.631)	(9.703.764.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.740.227.255	1.940.007.001
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		135.454.546	255.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		190.200.813	11.061.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		325.655.359	266.061.502
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.410.456.956)	(1.566.543.044)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(754.000.000)	(407.612.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.164.456.956)	(1.974.155.244)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.901.425.658	231.913.259
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.425.483.999	1.193.390.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	180.384
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.326.909.657	1.425.483.999



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGUYỄN BẢY
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

MẪU B 09-DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản (sau đây gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
 - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát hiện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân bổ vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;
 - Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản;
 - Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
 - Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
 - Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Công nghiệp thực phẩm;
 - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước đá;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng. Kinh doanh vận tải thủy;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Khai thác thủy sản biển, chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ, chi tiết: Dịch vụ cưa xẻ gỗ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, chi tiết: Chế biến gỗ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2007 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp trị động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 69 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 76 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ tám của Công ty kể từ khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo thông từ số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cổ tức hay lợi nhuận cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trường Bộ Tài Chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền theo tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng tài sản được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 56
Máy móc thiết bị	02 - 16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 24
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 28

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính khấu hao theo đường thẳng trong vòng 04 năm

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ theo đường thẳng với thời gian không quá 4 năm kể từ thời điểm phát sinh.

11. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty:

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (d) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong năm.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Năm 2014 Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	51.299.620	88.152.641
Tiền gửi ngân hàng	5.275.610.037	1.337.331.358
Cộng	<u>5.326.909.657</u>	<u>1.425.483.999</u>

2. Phải thu khách hàng

Công nợ phải thu khách hàng tại văn phòng (*)	102.463.366.986	106.202.121.099
Công nợ phải thu KH của Trạm DV - BH Cà Mau	-	611.015.300
Cộng	<u>102.463.366.986</u>	<u>106.813.136.399</u>

(*) Trong đó: công nợ phải thu không có khả năng thu hồi của Công ty CP Aquafeed Cửu Long đã trích lập dự phòng 100% là: 91.086.800.435 VND.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi (*)	98.829.926.408	99.323.223.825
Dự phòng phải thu khác khó đòi (**)	19.696.962.957	19.696.962.957
Cộng	<u>118.526.889.365</u>	<u>119.020.186.782</u>

(*) Dự phòng phải thu khó có khả năng thu hồi Công ty Cổ Phần Aquafeed Cửu Long: 91.086.800.435 VND.

(**) Dự phòng phải thu lãi khó có khả năng thu hồi của Công ty Cổ Phần Aquafeed Cửu Long là 18.423.790.410 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ trả trước cho người bán tại văn phòng	2.076.735.989	3.000.000
Cộng	<u>2.076.735.989</u>	<u>3.000.000</u>

4. Các khoản phải thu khác

Bảo hiểm xã hội nộp thừa	10.570.673	7.400.139
Phải thu BHXH của công nhân viên	-	10.021.676
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	3.403.753	-
Phải thu khác (*)	19.933.158.365	19.875.358.365
Cộng	<u>19.947.132.791</u>	<u>19.892.780.180</u>

(*) Trong đó: công nợ phải thu của Công ty CP Aquafeed Cửu Long: 18.423.790.410 VND và đã được trích lập dự phòng 100%.

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	366.215.470	381.302.898
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.331.483.682	1.410.621.517
Thành phẩm	6.714.782	13.663.179
Hàng hóa	3.750.951.931	4.573.314.979
Cộng	<u>11.455.365.865</u>	<u>6.378.902.573</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	32.990.000	33.952.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.542.500	15.865.000
Cộng	<u>53.532.500</u>	<u>49.817.000</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	43.091.367.338	2.323.409.422	4.690.938.847	152.078.221	50.257.793.828
2. Tăng trong năm	-	-	-	159.083.423	159.083.423
<i>XDCB hoàn thành</i>	-	-	-	159.083.423	159.083.423
3. Giảm trong năm	-	142.888.532	179.970.000	-	322.858.532
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	142.888.532	179.970.000	-	322.858.532
4. Số cuối năm	<u>43.091.367.338</u>	<u>2.180.520.890</u>	<u>4.510.968.847</u>	<u>311.161.644</u>	<u>50.094.018.719</u>
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	26.837.438.881	2.022.847.405	2.884.839.884	87.298.975	31.832.425.145
2. Tăng trong năm	2.139.929.657	48.739.776	305.357.024	5.398.296	2.499.424.753
<i>Trích khấu hao</i>	2.139.929.657	48.739.776	305.357.024	5.398.296	2.499.424.753

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
3. Giảm trong năm	-	142.888.532	111.985.040	-	254.873.572
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		<i>142.888.532</i>	<i>111.985.040</i>		<i>254.873.572</i>
4. Số cuối năm	28.977.368.538	1.928.698.649	3.078.211.868	92.697.271	34.076.976.326
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	16.253.928.457	300.562.017	1.806.098.963	64.779.246	18.425.368.683
2. Số cuối năm	14.113.998.800	251.822.241	1.432.756.979	218.464.373	16.017.042.393

Như trình bày tại thuyết minh V.11, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại là 4.739.637.655 VND để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 7.418.864.256 VND.

Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không.

Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: Không.

8. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	4.045.500.000	65.000.000	4.110.500.000
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	4.045.500.000	65.000.000	4.110.500.000
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	-	43.333.344	43.333.344
2. Tăng trong năm	-	16.250.004	16.250.004
<i>Trích khấu hao</i>		<i>16.250.004</i>	<i>16.250.004</i>
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	-	59.583.348	59.583.348
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	4.045.500.000	21.666.656	4.067.166.656
2. Số cuối năm	4.045.500.000	5.416.652	4.050.916.652

Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 3.180.500.000 VND

9. Đầu tư dài hạn khác

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	12.801.833.320	12.801.833.320
+ Công ty CP Aquafeed Cửu Long	7.203.840.000	7.203.840.000
+ Công ty CP Biển Tây (*)	4.835.000.000	4.835.000.000
+ Công ty Công trình Giao Thông 61	267.993.320	267.993.320
+ Công ty Thiết bị Máy Động Lực	445.000.000	445.000.000
+ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	50.000.000	50.000.000
Dự phòng khoản đầu tư	(7.912.582.707)	(7.912.582.707)
+ Công ty CP Aquafeed Cửu Long	(7.203.840.000)	(7.203.840.000)
+ Công ty Thiết bị Máy Động Lực	(445.000.000)	(445.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Biển Tây	(213.742.707)	(213.742.707)
+ Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Biển Đông	(50.000.000)	(50.000.000)
Cộng	4.889.250.613	4.889.250.613

(*) Chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2014.

Chi tiết các loại Cổ phiếu như sau:

Cổ phiếu	Năm nay		Năm trước	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Công ty CP Aquafeed Cửu Long	720.384	7.203.840.000	720.384	7.203.840.000
Công ty CP Biển Tây	499.456	4.835.000.000	483.500	4.835.000.000
Công ty Công trình Giao Thông 61	26.666	267.993.320	26.666	267.993.320
Công ty Thiết bị Máy Động Lực	490	445.000.000	490	445.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Biển Đông	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	
			Số cuối năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	656.541.331	374.334.900	426.969.805	603.906.426
Các chi phí trả trước dài hạn khác	58.333.333	22.645.785	53.774.298	27.204.820
Cộng	714.874.664	396.980.685	480.744.103	631.111.246

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Thanh toán trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Nợ quá hạn					
Ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh I	25.090.000.000	-	1.020.456.956	-	24.069.543.044
VND	25.090.000.000	-	1.020.456.956	-	24.069.543.044
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	60.612.000.000	-	3.183.000.000	57.429.000.000	-
VND	60.612.000.000	-	3.183.000.000	57.429.000.000	-
Cộng	85.702.000.000	-	4.203.456.956	57.429.000.000	24.069.543.044

Ngân hàng Công Thương Chi nhánh I

Số hợp đồng	38/2011/HĐTD-DNL
Ngày HD	09/09/2011
Hạn mức vay	40.000.000.000 VND
Số dư nợ cuối năm	24.069.543.044 VND
Hiệu lực của hạn mức	12 tháng
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng của Bên vay

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh BRVT, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh 63.610 m ²
Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1700-LAV-200303133 và hợp đồng sửa đổi và bổ sung ngày 25/09/2014 kéo dài thời gian thanh toán đến 25/9/2017
Số hợp đồng	01/07/2011
Ngày HD	72.000.000.000 VND
Hạn mức vay	57.429.000.000 VND
Số dư nợ cuối năm	Tới ngày 25/09/2017
Hiệu lực của hạn mức	Theo từng giấy nhận nợ
Lãi suất	Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối nhận thanh toán, bảo lãnh
Mục đích vay	Theo hợp đồng thuê chấp TS số 1700 - LCP-200401239 ngày 02/11/2004
Tài sản đảm bảo	

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải trả của Văn phòng (*)	3.851.212.748	3.516.847.257
Công nợ phải trả của Trạm DV - BH Cà Mau	-	750.193.985
Cộng	<u>3.851.212.748</u>	<u>4.267.041.242</u>
(*) Giá trị chưa nhận được thư xác nhận	2.517.570.278 VND	

13. Người mua trả tiền trước

Công nợ người mua trả trước tại văn phòng	<u>9.975.531.642</u>	<u>570.000.000</u>
Cộng	<u>9.975.531.642</u>	<u>570.000.000</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	294.906.236	4.612.336.977	4.897.803.096	9.440.117
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	141.774.760	1.043.051.184	1.181.189.580	3.636.364
	<i>Văn phòng</i>	91.047.118	952.140.753	1.039.551.507	3.636.364
	<i>Chi nhánh</i>	50.727.642	90.910.431	141.638.073	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
3.	Các loại thuế khác	153.131.476	3.569.285.793	3.716.613.516	5.803.753
	- <i>Thuế TNCN</i>	3.140.886	27.514.188	24.851.321	5.803.753
	- <i>Thuế nhà đất</i>	149.990.590	3.535.771.605	3.685.762.195	-
	- <i>Thuế môn bài</i>	-	6.000.000	6.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	4.138.182	-	4.138.182
	<i>Các khoản phí, lệ phí</i>	-	4.138.182	-	4.138.182
	Cộng	<u>294.906.236</u>	<u>4.616.475.159</u>	<u>4.897.803.096</u>	<u>13.578.299</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- **Thuế Giá trị gia tăng**
 - Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
 - Thuế suất thuế GTGT hàng bán nội địa : 10%
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
(Xem thuyết minh VI.9)
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo quy định hiện hành.

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí dịch vụ	31.818.182	-
Chi phí khác	-	30.439.000
Cộng	<u>31.818.182</u>	<u>30.439.000</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Kinh phí công đoàn	237.812.357	202.544.047
Phải trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	3.408.301	-
Nhận ký quỹ, ký cược	846.440.000	926.120.000
Tài sản thừa chờ xử lý	12.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp	54.919.925.814	33.290.438.376
+ Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.743.632.741	9.509.787.653
+ Ngân Hàng TMCP Công Thương VN Chi Nhánh 1 TP HCM (lãi vay)	13.567.855.750	8.502.340.856
+ Ngân hàng NN&PTNT CN TP HCM (lãi vay)	21.241.733.623	13.861.675.817
+ Phải trả cổ tức	601.203.700	1.355.203.700
+ Phải trả Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (*)	17.760.000.000	-
+ Phải trả khác	5.500.000	61.430.350
Cộng	<u>56.019.586.472</u>	<u>34.419.102.423</u>

(*) Chuyển khoản nợ vay phải trả cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam sang phải trả Công ty mua bán nợ theo biên bản bàn giao ngày 21/5/2014 giữa Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam và Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam.

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	483.382.577	-	74.795.500	408.587.077
Cộng	<u>483.382.577</u>	<u>-</u>	<u>74.795.500</u>	<u>408.587.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

18. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Tăng khác	Trả trong năm	Giảm khác (**)	Số cuối năm
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam	11.297.000.000	-	207.000.000	11.090.000.000	-
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam (*)	-	57.429.000.000	-	-	57.429.000.000
Cộng	11.297.000.000	57.429.000.000	207.000.000	11.090.000.000	57.429.000.000

(*) Xem thuyết minh V.11

(**) Chuyển sang phải trả Công ty mua bán nợ theo biên bản bàn giao ngày 21/5/2014 giữa Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam và Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	2.036.572.261	2.125.714.002	(131.879.831.154)	(86.511.134.891)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(6.904.142.602)	(6.904.142.602)
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	2.036.572.261	2.125.714.002	(138.783.973.756)	(93.415.277.493)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(9.979.352.391)	(9.979.352.391)
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	2.036.572.261	2.125.714.002	(148.763.326.147)	(103.394.629.884)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Nhà nước	19.470.000.000	19.470.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	22.530.000.000	22.530.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	559.410.000	559.410.000
Cộng	<u>42.559.410.000</u>	<u>42.559.410.000</u>

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	135.300	135.300
+ Cổ phiếu phổ thông	135.300	135.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu phổ thông	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	30.059.488.897	26.527.690.639
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>1.711.210.727</i>	<i>4.450.397.350</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>10.961.186.574</i>	<i>11.215.645.436</i>
<i>Doanh thu đóng sửa tàu thuyền</i>	<i>17.387.091.596</i>	<i>10.851.425.380</i>
<i>Doanh thu khác</i>	-	10.222.473
Khoản giảm trừ doanh thu	64.727.273	2.376.364
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>64.727.273</i>	<i>2.376.364</i>
Cộng	<u>29.994.761.624</u>	<u>26.525.314.275</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	1.331.741.612	3.853.892.562
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.712.031.959	6.246.541.553
Giá vốn đóng sửa tàu thuyền	14.338.383.750	8.977.966.207
Cộng	<u>23.382.157.321</u>	<u>19.078.400.322</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.605.696	4.967.946
Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư	58.665.200	6.325.049
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	180.384
Cộng	<u>190.270.896</u>	<u>11.473.379</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay của các món vay từ những năm trước	12.476.223.811	13.688.314.831
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	50.000.000
Cộng	<u>12.476.223.811</u>	<u>13.738.314.831</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	2.301.819.555	2.616.550.797
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.800.000	520.311.239
Chi phí khấu hao	-	62.340.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.405.269	5.591.740
Chi phí bằng tiền khác	308.205.435	393.850.907
Cộng	<u>2.636.230.259</u>	<u>3.598.644.683</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	1.347.937.604	1.434.669.711
Chi phí dụng cụ văn phòng	8.904.632	133.895.148
Chi phí khấu hao	179.031.848	151.047.943
Thuế, phí, lệ phí	1.424.700	1.906.700
Dự phòng phải thu khó đòi	(493.297.417)	(3.833.043.331)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.709.520	21.545.761
Chi phí bằng tiền khác	734.628.458	766.263.533
Cộng	<u>1.785.339.345</u>	<u>(1.323.714.535)</u>

7. Thu nhập khác

Thanh lý tài sản	135.454.546	233.775.455
Thu nhập từ chuyển giao Quyền sử dụng đất	-	1.052.453.636
Lãi góp vốn đầu tư Mạc Thị Bưởi	-	159.707.680
Lãi chậm thanh toán	55.930.350	13.585.833
Vi phạm hợp đồng	-	356.395.408
Cộng	<u>191.384.896</u>	<u>1.815.918.012</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản	67.984.960	96.826.695
Phạt nộp chậm thuế	4.138.182	68.376.272
Chi phí khác	3.695.929	-
Cộng	<u>75.819.071</u>	<u>165.202.967</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận trước thuế	(9.979.352.391)	(6.904.142.602)
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	12.645.406.826	204.445.922
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>192.000.000</i>	<i>192.000.000</i>
<i>Lãi vay chưa thanh toán</i>	<i>12.445.572.700</i>	<i>-</i>
<i>Phạt vi phạm thuế, bảo hiểm, khác</i>	<i>7.834.126</i>	<i>12.445.922</i>
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	58.665.200	6.325.049
<i>Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư</i>	<i>58.665.200</i>	<i>6.325.049</i>
Chuyển lỗ	2.607.389.235	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(6.706.021.729)
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	<u>-</u>	<u>-</u>

10. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.979.352.391)	(6.904.142.602)
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.979.352.391)	(6.904.142.602)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.064.700	4.064.700
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>(2.455)</u>	<u>(1.699)</u>

VII. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức chưa chi	601.203.700	1.355.203.700
Chi phí lãi vay phải trả	<u>12.445.572.700</u>	<u>13.571.695.941</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cổ tức năm trước đã chi trả trong năm nay	754.000.000	407.612.200
Chi phí lãi vay trả trong năm nay	30.651.111	116.618.890
Chi phí trích trước tiền lương trả trong năm nay	<u>-</u>	<u>285.452.912</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam	Đại diện vốn Nhà nước

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Đối tượng	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam		
Vay tiền trong năm	-	2.555.440.000
Trả tiền vay	916.154.912	2.053.889.680
Chuyển công nợ	<u>17.940.000.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng, thù lao	<u>696.214.255</u>	<u>840.996.263</u>
Cộng	<u>696.214.255</u>	<u>840.996.263</u>

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Đối tượng	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV		
Phải trả tiền vay	-	19.241.550.320
Phải trả cổ tức	550.000.000	1.300.00.000
Phải trả lãi vay	-	1.565.237.333
Phải trả khác	<u>1.743.632.741</u>	<u>-</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận bán hàng hóa, Bộ phận bán các thành phẩm và Bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 3 hoạt động kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận bán hàng hóa: phụ tùng máy móc thiết bị...
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: cho thuê kho, bãi, cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, điện, nước...
- Bộ phận bán các thành phẩm: đóng tàu, sửa chữa tàu, sửa chữa xà lan, gia công cơ khí...

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	17.458.183.518	12.962.071.873	12.646.310.279	43.066.565.670
Tài sản phân bổ	320.259.714	1.921.558.288	3.095.843.908	5.337.661.910
Tổng tài sản	17.778.443.232	14.883.630.161	15.742.154.187	48.404.227.580
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	137.039.810.764	1.019.770.166	13.466.237.694	151.525.818.624
Nợ phải trả phân bổ	16.382.330	98.293.983	158.362.527	273.038.840
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	137.056.193.094	1.118.064.149	13.624.600.221	151.798.857.464
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	18.400.631.099	17.372.533.862	6.493.164.686	42.266.329.647
Tài sản phân bổ		702.929.822	679.334.516	1.382.264.338
Tổng tài sản	18.400.631.099	18.075.463.684	7.172.499.202	43.648.593.985
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	126.847.896.434	1.143.804.290	6.786.861.836	134.778.562.560
Nợ phải trả phân bổ	342.459.317	988.007.025	954.842.576	2.285.308.918
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	127.190.355.751	2.131.811.315	7.741.704.412	137.063.871.478

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Năm nay				
Doanh thu bộ phận	1.646.483.454	10.961.186.574	17.387.091.596	29.994.761.624
Chi phí hoạt động phân bổ	(3.256.660.119)	(9.041.868.697)	(15.505.198.109)	(27.803.726.925)
Chi phí tài chính	(12.476.223.811)			(12.476.223.811)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(14.086.400.476)	1.919.317.877	1.881.893.487	(10.285.189.112)
Doanh thu tài chính	190.270.896	-	-	190.270.896
Lãi khác	115.565.825	-	-	115.565.825
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(13.780.563.755)	1.919.317.877	1.881.893.487	(9.979.352.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(9.979.352.391)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Năm trước	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Doanh thu bộ phận	4.450.397.350	11.225.867.909	10.849.049.016	26.525.314.275
Chi phí hoạt động	(3.886.481.377)	(8.083.426.076)	(9.383.423.017)	(21.353.330.470)
Chi phí tài chính	(13.254.517.784)		(433.797.047)	(13.688.314.831)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.690.601.811)	3.142.441.833	1.031.828.952	(8.516.331.026)
Doanh thu tài chính	11.473.379			11.473.379
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.650.715.045			1.650.715.045
Lãi khác	(50.000.000)			(50.000.000)
Lợi nhuận trước thuế	(11.078.413.387)	3.142.441.833	1.031.828.952	(6.904.142.602)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(6.904.142.602)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động ở công ty chủ yếu diễn ra ở thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền	5.326.909.657	1.425.483.999
Phải thu khách hàng (*)	3.633.440.578	7.489.912.574
Các khoản phải thu khác	57.800.000	178.395.408
Ký quỹ ngắn hạn	20.542.500	15.865.000
Ký quỹ dài hạn	9.000.000	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	4.889.250.613	4.889.250.613
Cộng	13.936.943.348	14.007.907.594
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	24.069.543.044	85.702.000.000
Phải trả người bán	3.851.212.748	4.267.041.242
Chi phí phải trả	31.818.182	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả khác	55.778.365.814	34.216.558.376
Vay và nợ dài hạn	57.429.000.000	11.297.000.000
Cộng	<u>141.159.939.788</u>	<u>135.482.599.618</u>

(*) Xem thêm phần rủi ro thanh khoản

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty hoạt động kinh doanh chính trên lĩnh vực dịch vụ cầu cảng và đóng sửa tàu thuyền, cho nên Công ty chịu sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành, và bị ảnh hưởng bởi sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ Công ty CP Aquafeed Cừ Long, Công ty CP Biển Tây... Công ty đã lập dự phòng phải thu tất cả các khoản công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các công ty này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	24.069.543.044	-	-	24.069.543.044
Phải trả người bán	3.851.212.748	-	-	3.851.212.748
Chi phí phải trả	31.818.182	-	-	31.818.182
Các khoản phải trả khác	16.776.632.191	21.241.733.623	17.760.000.000	55.778.365.814
Vay và nợ dài hạn	-	57.429.000.000	-	57.429.000.000
Cộng	44.729.206.165	78.670.733.623	17.760.000.000	141.159.939.788

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	85.702.000.000	-	-	85.702.000.000
Phải trả người bán	4.267.041.242	-	-	4.267.041.242
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	34.216.558.376	-	-	34.216.558.376
Nợ dài hạn	-	-	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	124.185.599.618	-	11.297.000.000	135.482.599.618

Tại ngày 31/12/2014, công nợ phải trả quá hạn thanh toán như sau: phải trả người bán: 3.243.998.874 VND, phải trả khác: 37.159.925.814 VND. Tại ngày 01/01/2014, công nợ phải trả quá hạn thanh toán như sau: phải trả người bán: 3.019.308.743 VND, phải trả khác: 33.290.438.376 VND.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao. Nhiều khoản nợ vay đến hạn nhưng vẫn chưa có nguồn để thanh toán, các khoản phải trả khác quá hạn nhiều năm cũng không có khả năng thanh toán. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty khó có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn nếu không có sự hỗ trợ từ các cổ đông lớn của Công ty.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền	5.326.909.657	-	-	5.326.909.657
Phải thu khách hàng	3.633.440.578	-	-	3.633.440.578
Phải thu khác	57.800.000	-	-	57.800.000
Ký quỹ ngắn hạn	20.542.500	-	-	20.542.500
Ký quỹ dài hạn	-	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.889.250.613	-	4.889.250.613
Cộng	9.038.692.735	4.898.250.613	-	13.936.943.348

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền	1.425.483.999	-	-	1.425.483.999
Phải thu khách hàng	7.489.912.574	-	-	7.489.912.574
Phải thu khác	178.395.408	-	-	178.395.408
Ký quỹ ngắn hạn	15.865.000	-	-	15.865.000
Ký quỹ dài hạn	-	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.889.250.613	-	4.889.250.613
Cộng	9.109.656.981	4.898.250.613	-	14.007.907.594

Khoản thu khách hàng và khoản phải thu khác quá hạn thanh toán chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số công nợ phải thu. Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng cho khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn này.

Tại ngày 31/12/2014, tổng công nợ phải thu khách hàng quá hạn là 101.617.039.358 VND đã trích lập dự phòng số tiền 98.829.926.408 VND. Tổng công nợ phải thu khác quá hạn là 19.696.962.957 VND được trích lập dự phòng toàn bộ. Tại ngày 01/01/2014, tổng công nợ phải thu khách hàng quá hạn là 106.813.136.399 VND đã trích lập dự phòng 99.323.223.825 VND; tổng công nợ phải thu khác là 19.696.962.957 VND đã trích dự phòng toàn bộ.

Trong đó, chiếm tỷ lệ cao nhất là công ty CP Aquafeed Cừ Long, không có khả năng thu hồi và đã được trích lập dự phòng như sau: Tại ngày 31/12/2014, công nợ phải thu tiền hàng 91.086.800.435 VND và công nợ phải thu tiền lãi chậm trả 18.423.790.410 VND đã được trích lập dự phòng toàn bộ.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm được lấy trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



NGUYỄN BẢY
Tổng Giám đốc

HUỖNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bửu